

**NGHIÊN CỨU PHÊ PHÁN VỀ
NHẤT THIẾT HỮU LUẬN TRONG BỘ “LUẬN SỰ”**

– THE CRITICAL STUDY ON

SABBAMATTHĪTIKATHĀ IN KATHĀVATTHU –

Tác giả: Nghiên cứu sinh PHRAMAHA ANON PADAO (ĀNANDO/ THÍCH ANAN)

Thầy giáo chỉ đạo: bác sĩ Lữ Khải Văn.

**Chương thứ năm.
“KATHĀVATTHU” PHÊ PHÁN NHẤT THIẾT HỮU LUẬN THỜI PHẬT
GIÁO BỘ PHÁI [2]**

VI. “Kathāvatthu” với những quan điểm đối sánh khác

Trong “Kathāvatthu” (Luận Sự), cuộc tranh luận về tư tưởng “Nhất thiết hữu” và “Tam thời thật hữu” có thể nhằm vào luận điểm tư tưởng ấy trong thời đại và bối cảnh khác nhau, được giải thích ra sao đó nhằm đối sánh. Ở đây có thể chia làm ba giai đoạn: (1.) Lấy lập trường của Phật giáo Sơ kỳ trước thời Bộ phái để đối sánh; (2.) Đối sánh giữa hai bên Thượng Toạ bộ và Hữu bộ thời Phật giáo Bộ phái; (3.) Lấy “Kinh Milinda Vấn Đạo” (*Milindapañha*: Di-lan-đà vương vấn Kinh). Nhờ dùng phương pháp đối sánh như vậy mà có thể làm chúng ta nhận biết càng thêm phong phú, hoàn chỉnh đối với nội dung “Kathāvatthu” và những cái khác không cùng thời gian, nhân vật, nguyên nhân khởi điểm và mỗi lớp nhân tố diễn biến ra sao.

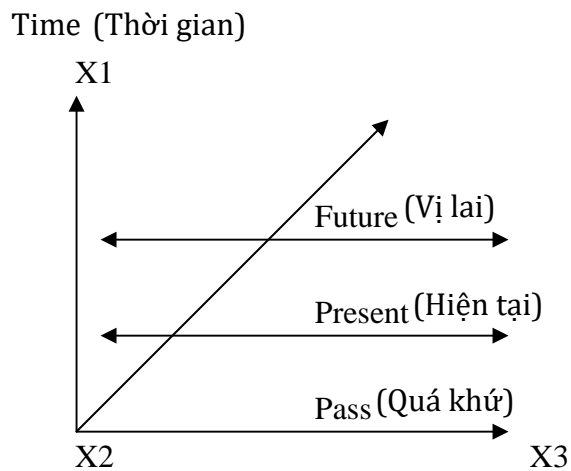
1. Đối sánh Phật giáo Sơ kỳ với “Kathāvatthu”

Định nghĩa và quan điểm về “nhất thiết” (tất cả) được bàn đến trong thời Phật giáo Sơ kỳ, về phương diện định nghĩa thì điểm này khá tương đồng với “Kathāvatthu” (Luận Sự), chỉ cho phạm vi mười hai xứ. Nhưng khác biệt nằm ở chỗ “Kathāvatthu” bày tỏ việc Hữu bộ cho rằng mười hai xứ tồn tại trong ba thời, đây cũng có thể là nói lập trường mười hai xứ của Hữu bộ không giống như Phật giáo Sơ kỳ. Phật giáo Sơ kỳ nhằm vào quan điểm “Tất cả là có” (*Sabbam atthi*) và “Tất cả là không” (*Sabbam natthi*) đều cho rằng đó là cực đoan và tà kiến, nhưng “Tất cả là có” và “Tất cả là không” xuất hiện trong “Kathāvatthu” biến thành lập trường quan điểm chủ yếu của Hữu bộ, họ không cho đó là tà kiến, còn dựa vào những bài Kinh có quan hệ đến năm uẩn và thời gian của Phật giáo Sơ kỳ làm căn cứ. Thái độ về “nhất thiết” của Phật giáo Sơ kỳ, từ cuộc đối thoại của Bà-la-môn không trọng mô tả thời gian mà trọng về nhân duyên, có thể thấy chung chung. Trong “Kathāvatthu” chưa xuất hiện

tranh luận liên quan đến “nhất thiết” và “nhân duyên”, nhưng trọng về bộ phận thời gian và tồn tại, nhất là sự tồn tại của ngũ uẩn, mười hai xứ v.v... Phật giáo Sơ kỳ tiến hành hình thức đối thoại thanh lọc, vấn đáp đối với quan điểm này, còn “Kathāvatthu” thì dùng đến logic.

2. Đối sánh tư tưởng Hữu bộ ban đầu trong thời đại Bộ phái với “Kathāvatthu”

Từ song phương Thượng Toạ bộ và Hữu bộ, đối sánh về biện luận trong “Kathāvatthu” có thể kết luận được rằng: quan điểm của Hữu bộ được gọi là “nhất thiết”... đối với “thời gian” và “tồn tại”, điều này cũng dẫn đến mối liên hệ về “Nhất thiết hữu” và “Tam thời thật hữu” được Hữu bộ chủ trương. Xem kỹ toàn thể quan điểm của Hữu bộ, có thể đưa quan điểm này cụ thể hoá rằng:



(Everything = Time + Existence)

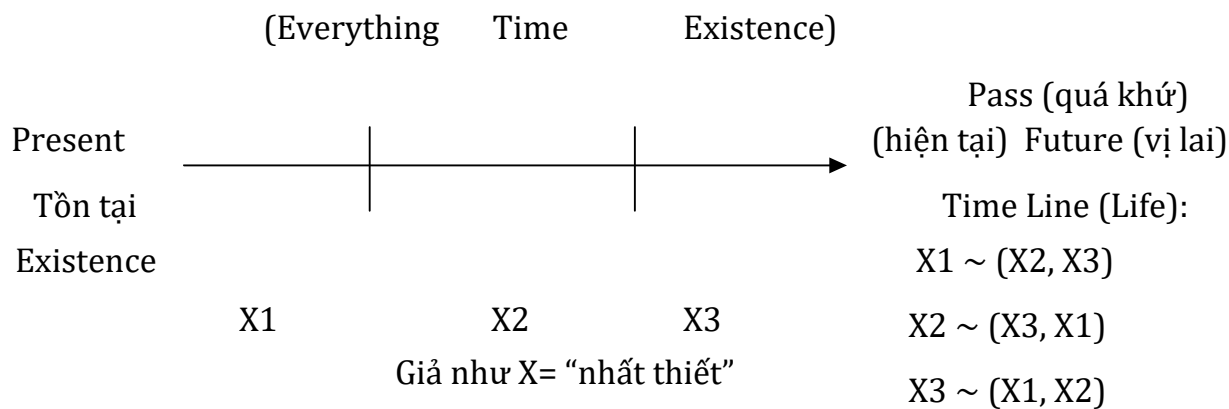
Tổng kết tư tưởng:

$X1 \supset (X2, X3)$; $X2 \supset (X3, X1)$; $X3 \supset (X1, X2)$

Everything (nhất thiết)

Existence (tồn tại)

Tư tưởng chủ yếu của Hữu bộ nằm ở cái gọi là “nhất thiết trong ba thời” không bị bỏ mất tự tính, vì vậy nó là tồn tại, ngoài ra, Hữu bộ cũng lấy áo trắng làm thí dụ. Trái ngược điều đó, nói theo lập trường của Thượng Toạ bộ, họ phê phán quan điểm Hữu bộ, trên chính thể thì họ cho rằng cái gọi là “Nhất thiết hữu” và “Tam thời thật hữu” nếu như nó thật sự là có trong thời gian thì có thể thay thế lẫn nhau, từ kết quả suy luận được biết, chúng không cách nào thay thế nhau được. Đối với điều này có thể làm đồ thị như sau:



Điều mà Thượng Toạ bộ phê phán là thuyết “Nhất thiết nằm trong ba thời”, chúng không thể thay thế lẫn nhau mà còn phủ định tính tồn tại, cho rằng tất cả đều là vô thường, không phải vĩnh hằng bất biến, không chân thật có v.v... Ngoài ra, lập trường quan trọng nhất của hai bên, Hữu bộ căn cứ Kinh điển Phật giáo Sơ kỳ làm chứng minh, năm uẩn trong ba thời thực tại là còn có; nhưng Thượng Toạ bộ cũng lấy Kinh điển Phật giáo Sơ kỳ làm chứng phê phán, cái gọi là năm uẩn trong ba thời chỉ là sự phối hợp về ngôn ngữ, chọn tên, chế định của Tục đế, trên thực tế không nên nói nó là thật có vĩnh hằng bất biến.

3. “Milindapañha-sutta” (Kinh Milinda Vấn Đạo) với “Kathāvatthu”

Vào đầu Tây lịch¹, sau cuộc Kết tập lần III đã ra đời một bộ Kinh khác: “Kinh Milinda Vấn Đạo” (Di-lan-đà vương vấn Kinh), Bắc Truyền xưng là “Kinh Na Tiên Tỳ-khưu”, tổ thành do cuộc đối thoại vấn đáp giữa Vua Milinda (Di-lan-đà) và Tỳ-khưu Nāgasena (Na-tiên). Giới Phật học thông thường cho rằng bộ Kinh này là Kinh điển phía Bắc Ấn Độ đương thời, địa điểm ấy là nơi Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ có tầm ảnh hưởng lớn nhất, vì vậy bộ Kinh này có lẽ cũng tùy thuộc Kinh điển của Hữu bộ. Tiến

¹ Bimala Churn Law, *A History of Pāli Literature, (Historical connection between the Kathā vatthu and the Milinda Pañha)*, Delhi: Indological Book House, 1983. p.362.

hành khảo sát từ quan điểm thời gian², “Kinh Milinda Vấn Đạo” lại không ăn khớp với chủ trương tư tưởng của Hữu bộ trong “Kathāvatthu” (Luận Sự). Tương phản lại, vấn đề được bày tỏ trong nội dung trả lời của Tỳ-khưu Nāgasena với Vua Milinda. Quan điểm được dẫn dụng lại khá là gần gũi với Phật giáo Sơ kỳ lấy mười hai nhân duyên làm thuyết minh.

“Vua lại hỏi Na Tiên (Nāgasena) rằng:

- Những chuyện từ quá khứ, chuyện đương lai, chuyện thấy hiện nay, chỗ nào là gốc cho ba chuyện ấy?

Na Tiên nói:

- Chuyện đã quá khứ, chuyện đương lai, chuyện thấy hiện nay, do kẻ ngu si làm gốc của nó. Loài ngu si tức kẻ nặn ra Thần, bảo Thần sinh ra thân xác, thân xác sinh danh, danh mới sinh ra sắc, sắc sinh sáu cái biết: một là cái biết của mắt (nhãn tri), hai là cái biết của tai (nhĩ tri), ba là cái biết của mũi (tỵ tri), bốn là cái biết của lưỡi (thiệt tri), năm là cái biết của thân (thân tri), sáu là cái biết của ý (ý tri), đó là lục tri (sáu cái biết). Sáu chuyện ấy đều là ngoại hướng. Những gì là ngoại hướng? Nhãn (mắt) hướng sắc, nhĩ (tai) hướng thanh, tỵ (mũi) hướng hương, thiệt (lưỡi) hướng vị, thân hướng cái không thật, ý hướng tham dục, đó là lục ngoại. Hướng danh cho dỗi dào, sự dỗi dào hợp sự dỗi dào mà biết khổ biết vui. Từ khổ vui sinh ân ái, từ ân ái sinh tham dục, từ tham dục sinh hữu, liền dẫn đến sinh nên già. Từ già nên bệnh, từ bệnh nên chết, từ chết nên khóc, từ khóc nên ưu, từ ưu nên nội tâm đau đớn. Gộp lại thì những sự lao khổ gom lại gọi là con người. Con người vì thế cho nên có sinh tử không bao giờ tuyệt. Vì bản thân con người là không thể nắm được.

Na Tiên nói:

- Thí như con người trồng ngũ cốc mọc rễ, từ rễ sinh thân, lá, quả, sau cùng là được hoa màu (cốc). Năm sau lại trồng được hoa màu nhiều hơn.

Na Tiên hỏi vua:

- Như người trồng cốc, năm nào cũng trồng cốc thì liệu có lúc nào tuyệt không mọc lên chăng?

Vua đáp:

- Mọi năm đều trồng cốc thì không bao giờ tuyệt cả, chỉ có mọc lên thôi.

² (P.T.S.) Miln. pp.71~73.

Na Tiên nói:

- Đòi người cũng như vậy, sinh qua chuyển lại không bao giờ tuyệt.

Na Tiên nói:

- Thí như con gà đẻ trứng, trứng sinh con gà, từ trứng sinh trứng, từ gà sinh gà. Con người sinh tử cũng lại như thế, không bao giờ tuyệt.

Na Tiên liền vẽ xuống đất hình bánh xe rồi hỏi vua rằng:

- Nay là bánh xe há có góc cạnh chăng?

Vua nói:

- Bánh tròn thì không có góc.

Na Tiên nói:

- Kinh Phật dạy con người, sinh tử như bánh xe, sinh qua chuyển lại không bao giờ tuyệt cả. v.v...”.³

Dùng văn hiến Phật giáo Nam Truyền để xem, “Kinh Milinda Vấn Đạo” không hề ghi chép có phải tùy thuộc Kinh điển Hữu bộ hay không, bộ Kinh này nằm trong hệ phả Kinh điển Nam Truyền, lại được khen ngợi là một bộ Kinh tốt đẹp. Bộ Kinh này so sánh với “Kathāvatthu”, nhìn theo quan điểm thời gian, điểm tương tự nằm ở cuộc luận biện vấn đáp, nhưng khác ở chỗ “Kathāvatthu” dùng logic tiến hành đối thoại, nhưng “Kinh Milinda Vấn Đạo” chú trọng về thí dụ để biểu đạt tư tưởng, cả hai đều có chỗ hay thạo riêng.

³ <<Na Tiên Tỳ-khuru Kinh>> 《那先比丘經》, sách 32, quyển 2.